

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán	04 - 05
3. Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2011	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Kết quả hoạt động kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy CNĐKKD)

Công ty cổ phần Cà phê PETEC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004521 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Một số nội dung chính của Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- **Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ Việt Nam đồng).**
- **Danh sách Cổ đông sáng lập:**

<i>Tên cổ đông sáng lập</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị cổ phần (nghìn đồng)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
· Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư (PETEC)	1.762.366	17.623.660	58,75
· Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch Vụ Cần Giờ	43.800	438.000	1,46
· Công ty Thương Nghiệp Cà Mau	43.800	438.000	1,46
· Các cổ đông khác (40 cổ đông)	1.150.034	11.500.340	38,33
<i>Cộng</i>	<i>3.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>100,00</i>

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hoài Minh; Quốc tịch Việt Nam; Chức vụ: Giám Đốc.
- Trụ sở chính: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành, nghề kinh doanh

- Mua bán cà phê, nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và phân bón.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa qua biên giới Việt Nam.
- Kinh doanh kho bãi.
- Mua bán nhốt, mỡ.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô – đường thủy nội địa.
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- Đại lý bảo hiểm.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

2. Ngành, nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Môi giới thương mại.
- Dịch vụ đại lý tàu biển
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng những quy định của pháp luật)

3. Hội đồng Quản trị và Ban điều hành quản lý tại thời điểm kiểm toán

- Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Minh Trục	Chủ tịch	Việt Nam
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Việt Nam
Ông Nguyễn Duy Thiệp	Thành viên	Việt Nam
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	Việt Nam
Ông Đinh Hoài Minh	Thành viên	Việt Nam

- Ban điều hành quản lý:

Họ và tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Đinh Hoài Minh	Giám đốc	Việt Nam
Ông Lê Phước Hậu	Phó Giám đốc	Việt Nam
Ông Trần Hoàng Long	Phó Giám đốc	Việt Nam

- Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Trưởng Ban Kiểm Soát	Việt Nam
Ông Hồ Hoàng Đức	Thành viên	Việt Nam
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Việt Nam

- Phòng kế toán

Họ và tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Duy Minh	Kế Toán Trưởng	Việt Nam

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

4. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu thuần	2.122.848.195.184	1.744.432.705.195
Tổng chi phí	2.110.083.293.874	1.736.718.190.809
Lợi nhuận kế toán	12.764.901.310	7.714.514.386

5. Các thông tin cơ bản khác

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản nào của Công ty đã được xác định phù hợp với thực tế hiện hữu của tài sản đó vào thời điểm kết thúc niên độ.

Ban Giám đốc nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC.

6. Kiểm toán viên độc lập

Công ty Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2012

TM. BAN GIÁM ĐỐC



ĐÌNH HOÀI MINH



AS AUDITING COMPANY

63A Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City

Tel : (84.8) 39301277 - 39301278 Fax : (84.8) 39301395

E-mail: ktas@vnn.vn website: www.kiemtoanas.com.vn

Số: 009.03.12/AS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 được lập ngày 01/02/2012 của Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



VÕ PHAN SỬ

Giám Đốc

Chứng chỉ Kiểm Toán Viên số: 0330/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán AS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

LÊ THỊ THU HƯƠNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm Toán Viên số: 1255/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.756.730.595	222.404.685.995
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	10.087.376.967	12.969.739.938
Tiền	111		10.087.376.967	6.747.739.938
Các khoản tương đương tiền	112		-	6.222.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		173.892.412.701	146.811.091.364
Phải thu khách hàng	131	02	126.651.691.762	107.959.477.648
Trả trước cho người bán	132	04	46.577.032.139	38.851.613.716
Các khoản phải thu khác	138	05	663.688.800	-
Hàng tồn kho	140		52.668.812.772	44.419.769.812
Hàng tồn kho	141	06	52.668.812.772	44.419.769.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.108.128.155	18.204.084.881
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		159.249.260	169.222.959
Thuế GTGT được khấu trừ	152	07	10.685.758.771	16.065.695.102
Tài sản ngắn hạn khác	158	08	263.120.124	1.969.166.820
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.078.173.595	13.195.132.340
Các khoản phải thu dài hạn	210		299.146.604	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	03	1.204.622.208	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	03	(905.475.604)	-
Tài sản cố định	220		19.854.584.591	4.270.689.940
Tài sản cố định hữu hình	221	09	3.493.386.591	4.270.689.940
<i>Nguyên giá</i>	222		12.042.495.856	12.033.124.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.549.109.265)	(7.762.434.109)
Tài sản cố định vô hình	227	10	16.361.198.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		16.361.198.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.924.442.400	8.924.442.400
Đầu tư dài hạn khác	258	11	8.924.442.400	8.924.442.400
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		276.834.904.190	235.599.818.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		225.789.976.675	190.700.412.781
Nợ ngắn hạn	310		225.742.752.675	190.678.658.781
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	98.793.658.400	31.840.000.000
Phải trả người bán	312	13	118.401.040.981	153.388.030.980
Người mua trả tiền trước	313	14	1.953.593.269	1.596.856.849
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.268.825.520	1.851.797.962
Phải trả công nhân viên	315		1.535.061.342	918.662.541
Chi phí phải trả	316		-	25.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	291.784.940	235.325.176
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	17	498.788.223	822.985.273
Nợ dài hạn	330		47.224.000	21.754.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	18	47.224.000	21.754.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.044.927.515	44.899.405.554
Vốn chủ sở hữu	410	19	51.044.927.515	44.899.405.554
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		43.162.345	15.285.645
Quỹ đầu tư phát triển	417		5.514.693.492	5.433.581.533
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.000.000.000	2.583.597.573
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.487.071.678	6.866.940.803
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		276.834.904.190	235.599.818.335

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN DUY MINH

GIÁM ĐỐC



ĐINH HOÀI MINH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

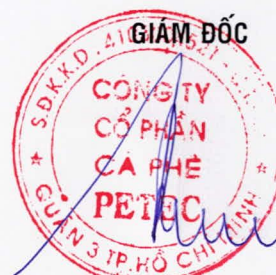
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	5.01	2.075.515.458.814	1.703.153.857.019
Các khoản giảm trừ	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.02	2.075.515.458.814	1.703.153.857.019
Giá vốn hàng bán	11	5.03	2.051.050.523.879	1.701.857.649.463
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.464.934.935	1.296.207.556
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.04	46.415.704.510	38.824.002.971
Chi phí tài chính	22	5.05	24.260.073.960	9.833.653.789
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.615.335.924	3.526.143.615
Chi phí bán hàng	24	5.06	23.864.465.255	17.389.910.647
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.07	6.811.411.305	4.003.636.027
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		15.944.688.925	8.893.010.064
Thu nhập khác	31	5.08	917.031.860	2.454.845.205
Chi phí khác	32	5.09	19.330.903	1.307.532.418
Lợi nhuận khác	40		897.700.957	1.147.312.787
Tổng lợi nhuận trước thuế	50		16.842.389.882	10.040.322.851
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.077.488.572	2.325.808.465
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.764.901.310	7.714.514.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	4.255	2.572

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN DUY MINH



ĐINH HOÀI MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		16.842.389.882	10.040.322.851
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		790.216.817	886.509.418
- Các khoản dự phòng	03		905.475.604	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(22.129.884)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.468.186.322)	(3.201.483.590)
- Chi phí lãi vay	06		8.615.335.924	3.526.143.615
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		25.663.102.021	11.251.492.294
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.906.007.214)	(86.457.824.012)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.249.042.960)	(12.654.166.290)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(33.850.634.765)	127.187.603.657
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		9.973.699	(31.501.849)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.615.335.924)	(3.525.774.376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.774.607.312)	(1.326.710.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.706.046.696	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.407.843.650)	(234.352.814)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(50.424.349.409)	34.208.766.378
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.388.069.807)	(34.464.546)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.958.339	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.468.186.322	3.201.483.590
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(14.905.925.146)	3.167.019.044
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		522.431.065.103	285.516.593.782
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(455.477.406.703)	(330.179.493.782)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.500.000.000)	(2.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		62.453.658.400	(47.062.900.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.876.616.155)	(9.687.114.578)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.969.739.938	22.816.064.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.746.816)	(159.210.474)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.087.376.967	12.969.739.938

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN DUY MINH

GIÁM ĐỐC



ĐÌNH HOÀI MINH